

ẢNH HƯỞNG CỦA C.P. BAUDELAIRE TRONG THƠ LÃNG MẠN TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

ĐINH PHAN CẨM VÂN*

TÓM TẮT

Thơ ca lãng mạn Trung Quốc và Việt Nam đầu thế kỉ XX có nhiều điểm tương đồng. Một trong những nguyên nhân làm nên gặp gỡ, đó là cùng chịu ảnh hưởng từ thơ ca lãng mạn phương Tây. Trong đó, Baudelaire là người có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn cả. Tiếp thu từ Baudelaire khiến thơ ca lãng mạn Trung - Việt vừa phát huy thế mạnh truyền thống vừa làm nên những đặc sắc của chủ nghĩa lãng mạn phương Đông. Bài viết góp phần làm sáng tỏ những đặc sắc đó.

Từ khóa: C.P. Baudelaire, Trung Quốc, Việt Nam, thơ lãng mạn, ảnh hưởng, tương đồng.

ABSTRACT

Influences of P. C. Baudelaire on Chinese and Vietnamese romantic poetry in the early 20th century

There were many similarities in Chinese and Vietnamese romantic poetry in the early 20th century. One of the reasons was that they were under the influence of Western romantic poets. Among them, Baudelaire has the most influence. Based on his style, Chinese and Vietnamese romantic poets developed both traditional strengths and Oriental Romanticism features. The article is about clarifying these features.

Keywords: C.P. Baudelaire, Chinese, Vietnamese, romantic poetry, influences, similar.

Thơ mới Trung Quốc và Việt Nam đầu thế kỉ XX phần lớn là thơ lãng mạn. Xét về thời gian, thơ lãng mạn phương Đông ra đời sau thơ lãng mạn phương Tây ngót một thế kỉ. Đầu thế kỉ XX, thơ phương Tây đã bước sang hậu lãng mạn, tiền hiện đại với tượng trưng, ấn tượng, siêu thực.... Do vậy, thơ mới Trung Quốc, Việt Nam vẫn lấy tình thơ lãng mạn làm chính nhưng đã hấp thu nhiều nhân tố của chủ nghĩa hiện đại phương Tây. C. P. Baudelaire là một đại diện của tượng trưng chủ nghĩa đã được thi nhân

Trung - Việt nồng nhiệt đón nhận. Chủ nghĩa tượng trưng phương Tây có nhiều gặp gỡ, gần gũi nhất với tư duy thơ phương Đông (trong tương quan với ấn tượng, siêu thực, vị lai...). Trong quá trình tiếp nhận những dòng mạch tư tưởng phương Tây, một sự vận động tự nhiên của văn học Trung Quốc cũng như Việt Nam sẽ lựa chọn những hình thức gần gũi với truyền thống. Vậy nên, nhận thấy rõ hơn cả là sự bén rễ nhanh chóng của chủ nghĩa tượng trưng trong thơ ca lãng mạn hai dân tộc. Đối với các thi nhân Trung Quốc và Việt Nam, chủ nghĩa tượng trưng vừa quen, vừa lạ, vừa cũ, vừa mới. Điểm quen thuộc của chủ

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

nghĩa tượng trưng đó là nắm lấy hồn cốt của thế giới khách quan để miêu tả nội tâm, giống như lối nói ẩn ý, ám thị; hay, lấy âm tiết tạo nhạc điệu, tiết tấu... thường gặp trong thơ cổ. Điểm mới lạ của chủ nghĩa tượng trưng là khai thác sự tương thông giữa các giác quan, cảm giác; lấy thanh diễn ý, truyền thần... Những bậc thầy của thơ ca tượng trưng là C.P. Baudelaire, P.M. Verlaine, Mallarme... đều có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với thi nhân Trung - Việt. Trong đó, tác động sâu sắc hơn cả là C. P. Baudelaire.

C.P. Baudelaire là một hiện tượng của văn học thế giới. Hiếm có nhà thơ nào lại chinh phục cả phương Tây lẫn phương Đông như thế. Baudelaire trở thành “cú hích” khiến thơ ca Trung Quốc và Việt Nam đầu thế kỉ XX tiến vào quỹ đạo mới, lạ lùng và mê hoặc. Những gợi mở từ Baudelaire đã kích thích nguồn sáng tạo kì diệu của thi nhân.

Thiên tài Baudelaire đương thời không dễ dàng được thừa nhận. Nhiều ý kiến cho rằng ông là nhà thơ trụy lạc và kì dị. Thế nhưng, những tác phẩm của ông cứ tự nhiên bén rễ trong đời sống văn chương nhân loại. Và như thế, không cần một lời biện hộ, tác phẩm của Baudelaire đã sở hữu được cái lí của tồn tại. Baudelaire nói tới sự cô độc của con người trong xã hội hiện đại, cảm xúc buồn, chán nản, mong mỏi tìm giải thoát nơi cái chết và nhục dục... Ông đề cao vẻ đẹp hình thức, khai thác sức mạnh của ngôn từ không chỉ ở phương diện ngữ nghĩa mà còn ở phương diện ngữ âm, hòa trộn các loại cảm giác, âm thanh, màu sắc... Ông tìm kiếm cái đẹp, phát hiện

một cái đẹp không thuần túy cổ điển; cái đẹp có từ những điều khác thường và quái gở - những bông hoa tội lỗi, hương và độc... Ông phủ nhận cái đẹp tự nhiên, yêu thích những bông hoa giả, khẳng định sức mạnh và ý nghĩa của son phấn đối với vẻ đẹp phụ nữ...

Thảm mĩ Baudelaire, cảm xúc Baudelaire, mĩ cảm Baudelaire... tác động mạnh mẽ đến tâm hồn thi nhân Trung Quốc cũng như Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Ảnh hưởng của Baudelaire đối với Từ Chí Ma bắt đầu từ việc ông dịch thơ Baudelaire. Ôm ấp trong lòng những ảo tưởng cùng những hư vinh, thơ Baudelaire như giúp ông tìm kiếm đáp số cuộc đời theo một khuynh hướng mới. Ảo tưởng lãng mạn dần qua, cái đẹp buồn không còn hoàn toàn chiếm giữ tâm hồn ông. Những êm dịu và tĩnh lặng mộng mơ một thời đã bị cái vang dội của văn minh công nghiệp xáo trộn. Trong con người xuất hiện những “nỗi sợ hãi không danh trạng”, những ảo tưởng huy hoàng dường như cũng lạc lối, miền cực lạc trong tâm tưởng cũng qua thời sung mãn. Thơ ca không còn mang vẻ đẹp trang nhã và thuần túy, không đối lập Đẹp và Xấu như hai phạm trù triết tiêu nhau. “*Những bông hoa ác*” - tập thơ nổi tiếng của Baudelaire làm nên một cuộc cách mạng trong quan niệm thẩm mĩ của nhiều thi nhân, trong đó có Từ Chí Ma.

Sau chuyến du ngoạn châu Âu năm 1925, Từ Chí Ma sáng tác những vần thơ không đơn thuần trữ tình như trước, mà là những tác phẩm “nguyên rủa và kinh dị”, thể hiện rõ phong cách của

Baudelaire “ác” và “kì diệu”, “đẹp” và “tội lỗi”, “hương” và “độc”. Ông nói tới những nghi ngờ, hoang mang, nụ cười dữ tợn, thuốc độc và cờ trắng... Thế giới thơ xuất hiện những đuôi của bọ cạp, râu ria của rết, chân lí và độc dược, yêu mến và thương hại, niềm xa lạ ở đồ vật thân thuộc, nỗi hoảng sợ vô cùng đẹp đẽ... Thi nhân cảm thụ thế giới trong cái thế “lộn trái” để “... trên tảng đá thô, mài ra một cuộc sống bé nhỏ. Từ cảm giác dữ dội làm nổi lên đường viền của tâm hồn” [2, tr.122]. Bầu không khí trong thơ ông đậm chất ám thị, tượng trưng; do vậy, giàu tính triết lí, chiều sâu suy tưởng. *Không đề* (Từ Chí Ma) nói về đường đi gian nan của người lên núi. Con đường cứ đi lên, dốc ngược, rồi cáo kêu, ung hú, rấn hổ mang trườn quanh, sương mù dày đặc... Hàng loạt những cảm giác được miêu tả từ cảm nhận khung cảnh quanh mình và từ vết thương đau đớn ở bắp chân. Ý thức hiện đại và cảm giác lãng mạn xuyên suốt bài thơ. Người đi nhẩn nại, lẫm lẫm bước trên đôi chân rướm máu. Con đường lên núi gập ghềnh, tượng trưng cho đường đời gian khổ. Thấp thoáng ẩn hiện trên con đường gian nan là hình ảnh chan chứa những tưởng tượng, khát khao: người đẹp hé miệng cười với hàm răng trắng ngọc, xinh tươi.

Vì muốn tìm một ngôi sao sáng cũng là một bài thơ đầy chất triết lí, ám gợi. Hình ảnh con người trên con đường tìm kiếm vì tinh tú cũng là tìm kiếm cái đẹp. Cuộc hành trình của thi nhân cùng với con ngựa mù, trong đêm tối mịt mùng, dẫu mệt lử đến chết nhưng vẫn lao về phía trước, không ngừng:

*Tôi cười con ngựa mù thọt chân
Ra roi chạy vào đêm tối
Hương vào đêm tối ra roi
Trên con ngựa mù thọt chân, tôi ngồi*

*Tôi xông vào đêm tối mờ mờ
Vì muốn tìm một ngôi sao sáng
Vì muốn tìm một ngôi sao sáng
Tôi xông vào đồng hoang mịt mù*

*Mệt lử rồi, con vật tôi ngồi mệt lử
Ngôi sao kia còn chưa hiện
Còn chưa hiện ngôi sao kia
Mà tôi mệt lử rồi, ngồi trên yên mệt lử*

Giờ đây trên trời hé vàng sáng thủy tinh

*Trên hoang mạc xác một con ngựa đốm
Trong đêm tối có một thi hài*

Vàng sáng thủy tinh giờ trên trời đã ló
(Trần Đình Sử dịch)

Con đường đến với cái đẹp được trải thảm bằng những thi hài. Vàng sáng thủy tinh của thiên hà ló rạng trên hoang mạc của chết chóc, tối tăm. Hình tượng chủ nhân trữ tình không miêu tả nông cạn mà hàm chứa triết lí phong phú, đa nghĩa. Hình ảnh con ngựa mù, thọt, đêm tối mênh mông đều có giá trị biểu tượng. Cái đẹp trong con mắt thi nhân tiền hiện đại được chiết xuất từ những điều kì dị.

Trong bài *Hỏi ai*, phảng phất âm hưởng *Em đã chết* của Byron, nhà thơ cảm thấy dường như trong cái không gian mộ địa của người yêu vẫn còn đó những mơn man cảm xúc:

*Hỏi ai... tôi không dám gọi lớn, sợ
làm kinh động*

*Sự trong trẻo thuần khiết nơi đây
mộ nàng*

*Tôi cúi người, tôi đưa tay ôm lấy cô ấy
Chao ôi, đây là nắm mộ mới mà
nửa phần còn chưa khô.*

...

*Trong đêm đen, chìm lắng, đang
bao trùm mặt đất;*

Bữa lấy em và tôi

Em, nơi đây mờ ngủ yên lặng lẽ

Tôi, đắm say trong bao nỗi đơn man!

Bài thơ nằm trong khuôn cấu tứ của Baudelaire: những bông hoa được hái từ cánh đồng đau khổ, niềm hoan lạc được vổ về từ biển cả khổ đau. Sáng tác của Từ Chí Ma hoàn toàn thống nhất với quan điểm nghệ thuật của Baudelaire: dùng loại dị thảo đã chết trang hoàng cho thiên đường nghệ thuật, mang đến cho văn chương một sự “run rẩy của cái mới” (2, tr.122). Một số bài thơ khác của Từ Chí Ma lại học tập cách lấy âm, lấy từ của Baudelaire (*Nguyệt hạ Lô Phong ảnh phiến, Tuyết hoa đích khoái lạc...*). Từ Chí Ma đặc biệt chú ý đến việc tạo sự ngân vang của âm luật, ngôn từ. Ông thường chọn những cước vận có khả năng tạo âm hưởng nhẹ nhàng, trong trẻo. Chẳng hạn trong bài *Tôi có một tình yêu*, các âm “xing”, “yíng”, “míng”, “líng”... cứ véo von, thánh thót suốt bài thơ:

*Ngã ái thiên thượng đích minh tinh
(xing)*

*Ngã ái tha môn đích tinh oanh
(yíng)*

*Trần gian bất hữu giá dị dạng đích
thần minh (míng).*

Con đường tìm tòi nghệ thuật của Chí Ma đã đạt đến điều ông mong muốn.

Văn hóa phương Tây nói chung, Baudelaire nói riêng đã cung cấp cho Từ Chí Ma một hệ tham chiếu văn hóa khác. Bằng tiên nhãn của một tài năng, ông đã bắt lấy rất nhanh những cách tân mới lạ của Baudelaire, khai thác những điểm tương thích với truyền thống, mở ra con đường rộng rãi trong sáng tạo.

Văn Nhất Đa - nhà thơ nhà lí luận nổi tiếng thời cận đại Trung Quốc cũng tiếp thu nhiều từ Baudelaire. Trong quan niệm nghệ thuật, ông cho rằng “... luật thơ của giới tự nhiên nhiều lúc cũng không viên mãn cho nên nghệ thuật phải bổ sung cho nó”(1, tr.134). Quan niệm này thật thống nhất với thi nhân người Pháp, khi ông tuyên bố son và nước hoa mới làm nên vẻ đẹp hoàn hảo cho phụ nữ. Baudelaire khẳng định vẻ đẹp tự nhiên không mấy giá trị, cái đẹp phải qua bàn tay đẽo gọt mới thật thượng hạng. Chính vì thế, trong cuộc cách mạng tân thi bấy giờ, Văn Nhất Đa là người kiên trì xây dựng mô hình thể loại tân cách luật, phản đối thơ viết tự do, buông tuồng. Ông cố gắng cải cách thơ truyền thống Trung Quốc sao cho vừa hiện đại nhưng cũng không xa lạ với dân tộc. Thuyết tam mĩ của Văn Nhất Đa là tìm tòi cách xây dựng hình thức câu thơ theo những chuẩn mực nhân tạo. Tình cảm, cảm xúc cần tự nhiên nhưng một câu thơ hoàn hảo phải có những gia công về hình thức. Câu thơ còn là sản phẩm của sự “khéo tay” trong dùng chữ, đặt câu... tạo nên những kết cấu âm thanh đặc biệt. Văn Nhất Đa đã đưa ra mô hình âm luật cho câu thơ mới, ảnh hưởng mạnh đến đương thời. Trau chuốt hình thức, chú trọng tia tốt hình

thức cũng là phương diện căn bản trong quan điểm thẩm mỹ của Baudelaire.

Nước chết là một đột phá của Văn Nhất Đa thời kì đầu Ngũ Tứ. Những cách tân về phương diện âm luật của bài thơ mang tới thành công vượt trội. Bài thơ còn có sự kết hợp nguyên tắc “lấy xấu làm đẹp” của Baudelaire, thực sự công phá chủ nghĩa lãng mạn cổ điển vốn đề cao cái đẹp thuần túy, tuyệt đối:

*Đây là vũng ao tù tuyệt vọng
Gió thổi qua không gợn chút lặn tắt
Thì hãy ném đồng nát, vụn sắt vào đó
Hắt luôn cả nước cạn, canh thừa.*

*Có lẽ đồng sẽ lên xanh màu phi thúy
Hộp sắt tây hoen thành cánh hoa đào
Vàng dầu mỡ dẹt thành tầng lụa mỏng
Ráng mây là hơi nước bốc lên cao.*

...

*Đây là vũng ao tù tuyệt vọng
Đây phải đâu nơi cái đẹp dùng chân?
Thôi hãy mặc cái xấu xa khai khẩn
Xem thế giới là gì rồi sẽ hóa thân!*

(Trần Đình Sử dịch)

Cũng như Từ Chí Ma, niềm say mê cái kì dị theo kiểu Baudelaire đầy ám ảnh với Văn Nhất Đa. Trong *Bài ca đêm*, một thế giới liêu trai mở ra với người đàn bà chui ra từ ngôi mộ, ánh trăng mờ, miền đất hoang vắng, màn đêm âm u, con cóc, con gà hoang làng xa, con ma chết oan khóc trong đêm không hình bóng... tất cả làm nên một bản dạ ca ma mị, tiềm tàng hiểm họa bí ẩn. Các sinh thể đều lạ lùng, hữu hồn hay vô hồn, thực hay ảo? Nhà thơ thành công khi tạo ra bầu không khí kinh dị và ngưng trệ. Ở đây chỉ có sự vận

động của cảm xúc, mơ hồ giữa thực và ảo, hoang mang trong bóng đêm mộ địa...

Thuyết “tương ứng” của Baudelaire đã mở ra nhiều ngã đường sáng tạo; tương ứng giữa vô hình và hữu hình, tương ứng giữa các giác quan, tương ứng giữa những cái nhận thức được và những cái còn trong tưởng tượng... Chu Tương – một nhà cảm giác chủ nghĩa, miêu tả cảnh trời mưa vừa bằng những hình ảnh thực vừa kết hợp cảm ứng thiên nhiên bằng sự hòa hợp cảm giác, xúc giác, thính giác:

*Tí tách trong mơ
Tiếng lá chuối xì xào
Hạt mưa lướt qua mặt.*

(Trời mưa – Chu Tương)

Hình ảnh không phải được xây dựng từ những kêu gọi tình cảm, cảm thụ trực tiếp như của chủ nghĩa lãng mạn nhưng lại có sức lắng đọng sâu xa. Nó đi theo con đường khách quan hóa trực giác, cảm giác, tiến thêm một bước, hư cấu hóa cảm giác. Cái đẹp được cảm nhận từ sự hòa trộn giữa cái đẹp của tự nhiên và cái đẹp trong mộng mơ tâm tưởng. Tuy không trực tiếp đề cập đến lí luận của Baudelaire nhưng trong phương thức tạo dựng hình ảnh, ông đã theo con đường giao cảm của Baudelaire.

Vườn hoang, một bài thơ nổi tiếng của Chu Tương đã miêu tả bức tranh thiên nhiên hoang phế, thanh thưa mà tĩnh tại, an nhiên. Một cây bạch dương cô độc, một cành cỏ nội không tranh chấp với đời, tự sinh tự diệt... Tất cả đều lặng nghe và ru mình theo quy luật vận hành mạnh mẽ nhưng im lặng của đất trời.

Theo gió, nghênh đón tháng năm mà trọn
vòng sinh tử:

*Lúc gió đến bạch dương xào xạc,
Lúc gió qua bạch dương cũng xào xạc,
Ngoài xào xạc chẳng nghe gì khác.*

*Hoa dại lặng lẽ nở
Hoa dại lặng lẽ tàn phai*

*Ngoài lặng lẽ, trong vườn không
còn gì khác.*

Miêu tả thiên nhiên nhưng thực chất là hướng nội. Nhìn vào thế giới thiên nhiên để lắng nghe tâm hồn mình. Không có cái huyền ảo của văn minh thị thành, cá thể tồn tại trong biệt lập, cao ngạo không theo thói đời. Cái mà Chu Tương miêu tả là thế giới không thể nắm bắt chỉ cảm nhận được bằng cảm giác. Hãy mở rộng cảm giác để đón nhận thế giới, thanh lọc tâm hồn. Trong thế giới vườn hoang thì nhân kêu gọi nắm bắt cái “lặng lẽ”, “chạm” vào cái “lặng lẽ”, cảm ngộ sự “lặng lẽ” ... “Lặng lẽ” là niềm tương giao tuyệt đối của vũ trụ. Đó cũng là niềm tương giao “kiểu Baudelaire”. “Baudelaire muốn ta lưu tâm đến mối tương quan huyền bí tạo nên sự thống nhất âm u và sâu xa của vũ trụ vượt ra ngoài sự cảm nhận hời hợt của các giác quan thông thường” (Dẫn theo [3, tr.76]).

Ra đời sau thơ lãng mạn Trung Quốc khoảng một thập kỉ, thơ lãng mạn Việt Nam cũng nhanh chóng tiếp thu Baudelaire, góp phần làm nên “một thời đại trong thi ca”. Nhưng ngay từ những ngày đầu quan sát về thơ lãng mạn, bằng cái nhìn tinh tường, nhạy bén, tác giả *Thi nhân Việt Nam* đã nhận ra thơ lãng mạn Việt Nam không hoàn toàn trung thành

với chủ nghĩa lãng mạn kinh điển, tính chất hiện đại trong thơ mới Việt Nam rất đậm đà, trong đó ảnh hưởng từ Baudelaire vô cùng sâu đậm “... trong bài *Một thời đại trong thi ca*, những tên tuổi tiêu biểu của thơ lãng mạn Pháp như Lamartine (1790-1869), Alfred de Vigny (1797-1865), Victor Hugo (1802-1885)... lại không được nhắc đến. Hoài Thanh đã cảm nhận được một “nghịch lí” của trào lưu Thơ mới. Và chính nghịch lí này là một thiên tài của thơ mới. Trong bài tiểu luận của Hoài Thanh, tên của nhà thơ Baudelaire được nhắc đến chín, mười lần (trong khi những nhà thơ Pháp khác chỉ được nêu tên một đôi lần). Hoài Thanh đặc biệt chú ý đến sự hấp dẫn lạ thường của Baudelaire đối với những tài năng trẻ của phong trào Thơ mới. Một loạt nhà thơ trẻ “bị ám ảnh vì Baudelaire” [4, tr.74]. Đặc điểm này càng về sau các nhà nghiên cứu Việt Nam càng tập trung khẳng định. Những ảnh hưởng từ các nhà tượng trưng chủ nghĩa, đặc biệt từ Baudelaire đối với thơ ca lãng mạn Việt Nam là một sự thật hiển nhiên. Xuân Diệu say mê phép tương giao của Baudelaire, Hàn Mặc Tử khẳng định Bích Khê chịu nhiều ảnh hưởng từ Baudelaire. Bích Khê có những câu thơ viết về Baudelaire đầy ngưỡng mộ “Baudelaire! Người là vua thi sĩ”. Chế Lan Viên tâm sự: “Từ trong thời gian chúng tôi gần chỉ thấy nói về Baudelaire” [3, tr.74]. Bản thân Chế Lan Viên “... chịu ảnh hưởng rất nặng Baudelaire”... [3, tr.74]. Thơ mới của Việt Nam và Trung Quốc không có những liên hệ trực tiếp nhưng cùng xuất phát từ một nguồn

nên tất yếu tương đồng. Tình hình này cũng giống như các nước trong khu vực văn hóa Hán thời Trung đại, cùng tiếp thu từ Trung Quốc và đã tạo nên những sản phẩm văn chương gần gũi. Sẽ thấy những gặp gỡ của Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử với Văn Nhất Đa khi cùng bắt lấy rất nhanh những điều dị thường. Thế giới thơ trong *Điêu tàn*, *Đau thương*... đầy những hồn, ma, đầu lâu, máu... những âm thanh gào, rú, hét... kinh hoàng dội lên từ những phế tích vàng son và những biển hồn đau đớn... Một trời đau thương nhưng cũng là “thú đau thương”, đó cũng chính là ảo ảnh của “hoa ác”. Thi nhân cảm nhận được ở thế giới đau thương trạng thái tốt cùng của nguồn nhiệt cảm xúc, diễn tả cảm xúc thành những hình khối ấn tượng. Nguồn mạch tình cảm ào ạt, đông bão ấy có thể là uất kết hoặc lai láng, nó khiến con người hao mòn, tiêu tán nhưng lại đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ, làm bật lên những câu thơ kì dị và kì diệu:

*Lời thơ ngậm cứng không rên rỉ
Mà máu tim anh vọt lảng lai
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt
Tiếng vang tha thiết dội muôn nơi.*
(Lưu luyến - Hàn Mặc Tử)

*Bỗng đêm nay trước cửa bóng
trăng quỳ
Sấp mặt xuống uốn mình theo dáng
liễu.*

(*Hãy nhập hồn em* - Hàn Mặc Tử)
“Cảm hứng Baudelaire”, mỹ học của chủ nghĩa tượng trưng rất rõ trong sáng tác của nhiều thi sĩ lãng mạn Việt Nam. Trong bài *Cô gái đồng trinh*, Hàn Mặc Tử viết:

*Đêm qua trăng vương trên cành trúc
Cô lẳng giềng bên chết thật rồi.*

...

*Xác cô thơm quá thơm hơn ngọc
Cả một mùa xuân đã hiện hình
Thinh sắc cơ hồ lưu luyến mãi
Chết rồi – xiêm áo trắng như tinh.*

(Hàn Mặc Tử)

(*Có một cái xác chết. Nằm trơ trên đường mòn. Như con mụ tà dâm. Bốc lửa và sùi độc. Bầu trời ghé nhìn xuống. Cái thân mình tuyết vời. Đang như nụ hoa tươi. Xòe cánh mềm rục rờ* (Cái xác chết - Baudelaire)).

Xây dựng biểu tượng là một phương thức thường gặp của chủ nghĩa tượng trưng. Trong thơ Hàn Mặc Tử, bên cạnh những biểu tượng đẹp, trong sáng, chẳng hạn biểu tượng *nắng*, có *nắng tươi*, *nắng ửng*, *nắng chang chang*, *nắng reo*, *nắng chảy*..., còn có biểu tượng *hố thẳm* kinh hoàng. Nó biến thái thành *vũng*, *lòng giếng lạnh*, *lỗ miệng*, *cửa miệng*, *trời sâu*... Từ hố thẳm đó cả một thế giới sinh thành, có trăng, gái hồng nhan, thơ, hồn... và hạnh phúc, đau đớn... Baudelaire cũng một đời chơi với, rợn ngợp trong cảm giác rơi xuống vực thẳm. “Vực thẳm là một trong những ám ảnh khắc khoải nhất của ông, được ông nhắc đến thường xuyên” [5, tr.43].

Điều mà Hàn Mặc Tử vượt lên tất cả các nhà thơ mới là tạo dựng một thế giới của những ảo giác, hòa trộn rất nhiều yếu tố thực, hư, chồng chất ảo thị và ảo ảnh:

*Tôi ngồi dưới bến đợi nường Mơ
Tiếng rú ban đêm rạn bóng mờ
Tiếng hú hồn tôi xô vỡ sóng*

Rung tầng không khí, bạt vi lô.

*Ai đi lững thững trên làn nước
Vời lại ai ngời khít cạnh tôi
Mà sao ngậm kín thơ đầy miệng
Không nói không rằng nín cả hơi?*
(*Cô liêu – Hàn Mặc Tử*)

*Cả miệng ta trắng là trắng
Cả lòng ta vô số gái hồng nhan
Ta nhả ra đây một nàng
Cho mây lặng lơ cho nước ngắt ngây.*

(*Một miệng trắng – Hàn Mặc Tử*)

Tác giả đã không lựa chọn những hình ảnh đẹp chân phương, thuần túy, để làm say lòng người như trong *Mùa xuân chín*:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lí bóng xuân sang.*

(*Hàn Mặc Tử*)

Dường như cái đẹp “đơn tuyến” ấy không đủ khả năng biểu đạt những phức cảm, phức cảnh, phức điệu hồn cùng một lúc trỗi lên. Tâm hồn không chỉ một tiếng vang ngân mà là khối hỗn đồng của sự cộng hưởng cảm xúc và cảm giác. Nhờ những cách thức mới, học tập từ phương Tây mà những ám thị đơn trong truyền thống đã nhường chỗ cho ám thị kép (phức). Hình ảnh thơ không chỉ là sản phẩm riêng rẽ của thị giác, thính giác hay khứu giác tác động đến người đọc trong những liên tưởng trực tiếp (thị giác gọi thị giác, xúc giác gọi xúc giác...) mà đánh thức cùng một lúc nhiều giác quan, làm nảy nở chùm cảm giác mới lạ:

*Đường kiến trúc nhịp nhàng theo
điệu mới*

*Của lời ca lóng đệp. Hạt châu trong
Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng
Tràn âm hưởng như chiều thu sóng
năng.*

(*Duy tân – Bích Khê*)

Có lẽ chưa nhà thơ nào lại nói về ngôn ngữ và con đường duy tân thơ ca lại gọi cảm đến thế. Lời ca phải đẹp, trong veo như hạt châu, dạt dào như chiều thu sóng năng, trong ngần giọt giọt nhỏ vô lòng... Baudelaire phát biểu “Sự dụng một cách tài tình một ngôn ngữ chính là thực hành một thứ ảo thuật gọi cảm” (Dẫn theo [5, tr.27]). Ngôn ngữ thi ca phải đạt tới tính gọi cảm, tạo nên thế giới của mỹ cảm không chịu sự chi phối của ý chí. Do vậy, *Duy tân* của Bích Khê là công trình ngôn từ đầy sức gọi với những kết hợp lạ thường, độc đáo. Đường kiến trúc là “Màu cưới màu, bình lặng”, “Chữ điêu khắc, tia nghệ thuật sâu cảm” và sự nhịp nhàng “... ý nhị nhịp theo Thơ”; đường nhiếp ảnh có “sắc khua màu – Tiếng thơ” gọi con đường “Hội họa” “...ý nhị nhịp theo Ta”... tất cả để cùng kiến tạo nên:

Một hỗn độn đẹp xô bỏ say dậy

*Bằng cảm tình, bằng hình ảnh, yêu
thương.*

(*Duy tân – Bích Khê*)

Bích Khê đã gặp gỡ Rimbaud – một học trò của Baudelaire khi đẩy thuyết tương ứng thành “sự rối loạn của tất cả các giác quan” [5, tr.28] để đạt tới cái khác thường, lạ lùng. Vậy nên, tác giả gạt hái được những bất ngờ trong xây dựng hình ảnh, và cách diễn đạt. Kết lại, nơi gặp gỡ của mọi con đường, của *Rung động*, *Tinh hoa*, *Ám điệu* là những vần

thơ đẹp như “giai nhân tuần trăng mật”. Biểu hiện này trong thơ Hàn Mặc Tử lại là sự chuyển đổi rất nhanh giữa mơ - thực, đời - mộng, sống - chết, hạnh phúc - đớn đau... từ đó biên độ hình ảnh đột xuất mở rộng, không đi theo trật tự thông thường.

Có thể thấy sự “lan tràn” của Baudelaire trong thơ lãng mạn Trung Quốc, Việt Nam. Việt Nam và Trung Quốc đều là những dân tộc “sành” văn, có truyền thống thi ca lâu đời, có hệ thống lí luận thơ ca hết sức tinh tế. Thi pháp thơ lãng mạn phương Tây thời kì

đầu đã không làm họ thỏa mãn. Baudelaire – một đại diện của hậu lãng mạn, tiên hiện đại đã thực sự khai mở những ngã đường sáng tạo hấp dẫn. Ảnh hưởng từ Baudelaire không dừng lại ở những mô phỏng, bắt chước mà thấm vào bề sâu với những quan niệm thẩm mỹ, những cảm thụ thế giới mang tầm triết học. Mặt khác, những trạng thái, tâm trạng của Baudelaire hết sức phù hợp với tâm trạng phần đông thanh niên trí thức tiểu tư sản ở những đất nước phương Đông nô lệ, mất tự do đầu thế kỉ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiệm Giang (2006), *Tân Nguyệt phái khai phát đích tân thi sáng cách*, Thượng Hải Hải quan cao đẳng chuyên khoa học liệu học báo, (1).
2. Trương Linh Hà (1991), *Tảo kì Tân Nguyệt phái thị thuần lãng mạn chủ nghĩa đoàn thể ma?* Dương Châu sư viện học báo, (3).
3. Hoàng Ngọc Hiến (2006), *Baudelaire, chủ nghĩa tượng trưng và thơ mới*, trong sách *Những ngã đường văn học*, Nxb Giáo dục.
4. Nguyễn Hữu Hiếu (2007), *Một số thay đổi có tính đột biến của thơ mới Việt Nam dưới ảnh hưởng của thơ tượng trưng*, trong sách *Những suy nghĩ mới những tiếp cận mới về ngữ văn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Liễu Trương (2007), *Tiếp cận văn học Pháp*, Nxb Văn học, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-8-2011; ngày chấp nhận đăng: 05-9-2011)